

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HS-ST
Ngày: 09-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh
2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Nguyễn Ngọc T, sinh năm 2000, sinh tại: Tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp TT, xã LA, huyện TVT, tỉnh CM; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông vô danh và bà Trần Thị L; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/12/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 5/4F, ấp ĐL, xã BĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đỗ K, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 5/4F, ấp ĐL, xã BĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp BT2, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh A. (Vắng mặt)

3. Bà Võ Thị H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp THB, xã LM, huyện TB, tỉnh VL. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 11/2020, Trần Nguyễn Ngọc T làm thuê cho công trình xây dựng của ông Đỗ K tại ấp An Hòa, xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 29/11/2020, T nhìn thấy ông K điều khiển xe gắn máy màu nâu đen, loại Vario, biển số 67K1-912.72 chở bà Nguyễn Thị L đến công trình, biết ông K cất giữ chìa khóa xe trong túi áo khoác mắc trên tường tại lối đi ra vào. T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe gắn máy nêu trên để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. T dùng điện thoại Iphone 5 chụp ảnh chiếc xe biển số 67K1-912.72 và đăng bán trên trang mạng Facebook với giá 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) và kèm theo số điện thoại di động 0965706401 của T để thuận tiện liên lạc mua bán xe. Ngay sau khi đăng lên trang mạng Facebook, Định (chưa rõ lai lịch) liên lạc để mua xe và T đồng ý bán.

Đến 14 giờ 00 phút, ngày 29/11/2020, T lợi dụng lúc vắng người đã lên lút lấy chìa khóa xe trong túi áo của ông K mở công tắc xe khởi động máy và điều khiển xe tẩu thoát. T đến đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo chỉ dẫn của Định để gặp Định. Khi đến gặp T, Định chạy chiếc xe Honda Airblade biển số 64F1-053.92, Định dẫn T chạy qua nhiều tuyến đường ở Quận 12, sau đó đến một ngôi nhà và yêu cầu T dẫn xe vào nhà. Định trả cho T số tiền mua xe là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng).

Do T không có xe đi về nên đã hỏi Định mua lại chiếc xe Honda Airblade biển số 64F1-053.92 thì Định đồng ý bán với giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) nhưng không có giấy tờ xe. Trên đường về, T vào một cửa hàng điện thoại di động (không rõ địa chỉ) để bán chiếc điện thoại Iphone 5 của mình với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng) và mua lại 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vsmart Joy 4 với giá 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). T đã tiêu xài hết số tiền còn lại.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 310/KL-HĐĐGTS ngày 14/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự đã kết luận: 01 chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda Vario, biển số 67K1-917.72, số máy: KF41E1978988, số khung: 4119LK976660 có trị giá 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). (BL 114-117)

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Joy 4, số Imei: 351088460733835;
- 01 xe gắn máy màu trắng đỏ, loại Honda Airblade, có gương chiếu hậu trái biển số 64F1-053.92, số máy JF27E-1023014; số khung: RLHJF270XBY237801, qua xác minh số khung, số máy và biển số xe không phù hợp nhau.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà L yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng).

Đối với người thanh niên tên Định là người mua xe do T trộm cắp mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác minh được nhân thân, lý lịch nên tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 71/CT-VKS.CC ngày 11/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố bị can Trần Nguyễn Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi “Trộm cắp tài sản” của bị cáo, đánh giá các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố, luận tội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Ngọc T với mức án từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 02 (Hai) năm tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Joy 4, số Imei: 351088460733835; 01 xe gắn máy màu trắng đỏ, có gương chiếu hậu trái, loại Honda Airblade, biển số 64F1-053.92, số máy JF27E-1023014; số khung: RLHJF270XBY237801 qua xác minh số khung, số máy và biển số xe không phù hợp nhau, do bị cáo dùng tiền thu lợi bất chính từ việc thực hiện hành vi phạm tội để mua mà có; đồng thời bà Võ Thị Hiếu là chủ sở hữu chiếc xe gắn máy biển số 64F1-053.92 đã từ chối nhận lại.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng).

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã ăn năn, hối cải về lỗi lầm của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, các quyết định Tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Nguyễn Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Ngày 29/11/2020, T nhìn thấy ông K điều khiển xe gắn máy màu nâu đen, loại Vario, biển số 67K1-912.72 chở bà Nguyễn Thị L đến công trình tại ấp An Hòa, xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo đang

làm thuê cho ông K, biết ông K cất giữ chìa khóa xe trong túi áo khoác mắc trên tường tại lối đi ra vào. Bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe gắn máy nêu trên để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo dùng điện thoại Iphone 5 chụp ảnh chiếc xe biển số 67K1-912.72 và đăng bán trên trang mạng Facebook với giá 19.000.00đ (Mười chín triệu đồng) và kèm theo số điện thoại di động 0965706401 để thuận tiện liên lạc mua bán xe. Ngay sau khi đăng lên trang mạng Facebook, Định (chưa rõ lai lịch) liên lạc để mua xe và bị cáo đồng ý bán. Đến 14 giờ 00 phút, cùng ngày, bị cáo lợi dụng lúc vắng người đã lén lút lấy chìa khóa xe trong túi áo của ông K mở công tắc xe khởi động máy và điều khiển xe tẩu thoát. Bị cáo đến đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo chỉ dẫn của Định để gặp Định. Khi đến gặp bị cáo, Định chạy chiếc xe Honda Airblade biển số 64F1-053.92, Định dẫn bị cáo chạy qua nhiều tuyến đường ở Quận 12, sau đó đến một ngôi nhà và yêu cầu bị cáo dẫn xe vào nhà. Định trả cho bị cáo số tiền mua xe là 19.000.00đ (Mười chín triệu đồng).

Do bị cáo không có xe đi về nên đã hỏi Định mua lại chiếc xe Honda Airblade biển số 64F1-053.92 với giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) nhưng không có giấy tờ xe. Trên đường về, bị cáo vào một cửa hàng điện thoại di động (không rõ địa chỉ) để bán chiếc điện thoại Iphone 5 của mình với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng) và mua lại 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vsmart Joy 4 với giá 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Bị cáo tiêu hết số tiền còn lại. Sự việc xảy ra như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố đối với bị cáo.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đối với người thanh niên tên Định là người mua xe do T trộm cắp mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác minh được nhân thân, lý lịch nên tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau là phù hợp.

[4] Bản kết luận định giá tài sản số 310/KL-HĐĐGTS ngày 14/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự đã kết luận: 01 chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda Vario, biển số 67K1-917.72, số máy: KF41E1978988, số khng: 4119LK976660 có trị giá 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

[5] Như vậy, có đủ cơ sở để xác định hành vi nêu trên của bị cáo Trần Nguyễn Ngọc T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo phạm tội do cố ý, bị cáo đã có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo còn xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn xã hội. Do đó, cần có mức hình phạt thật nghiêm, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét về tình tiết tăng nặng: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo T một phần hình phạt theo quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà L yêu cầu bồi thường số tiền 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng). Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường cho bà L 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

-01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Joy 4, số Imei: 351088460733835; 01 xe gắn máy màu trắng đỏ, có gương chiếu hậu trái, loại Honda Airblade, biển số 64F1-053.92, số máy JF27E-1023014; số khung: RLHJF270XBY237801 do bị cáo dùng tiền thu lợi bất chính từ việc thực hiện hành vi phạm tội để mua mà có, đồng thời bà Võ Thị Hiếu là chủ sở hữu chiếc xe gắn máy biển số 64F1-053.92 đã từ chối nhận lại nên Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước là phù hợp;

Tang vật theo lệnh nhập kho vật chứng số 53, Phiếu nhập kho vật chứng số 53 cùng ngày 25/02/2021 của Công an huyện Củ Chi. (Bút lục 138-139)

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo chịu là 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Nguyễn Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Nguyễn Ngọc T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 04/12/2020.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Joy 4, số Imei: 351088460733835; 01 xe gắn máy màu trắng đỏ, có gương chiếu hậu trái, loại Honda Airblade, biển số 64F1-053.92, số máy JF27E-1023014; số khung: RLHJF270XBY237801.

Tang vật theo lệnh nhập kho vật chứng số 53, Phiếu nhập kho vật chứng số 53 cùng ngày 25/02/2021 của Công an huyện Củ Chi.

- Buộc bị cáo Trần Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng), thi hành ngay khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Trần Nguyễn Ngọc T chậm giao tiền thì Trần Nguyễn Ngọc T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật phí và lệ phí năm 2015, buộc bị cáo Trần Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Củ Chi;
- Chi cục THADS H.Củ Chi;
- PC.53;
- Nhà tạm giữ CA H.Củ Chi;
- Đội CSĐTTH CA H.Củ Chi;
- Sở Tư pháp TPHCM
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túy Phụng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Vũ Thanh Phương